

TỜ TRÌNH

Điều chỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2017

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH BẮC GIANG	
ĐẾN	Số: 526/S
	Ngày: 03/12/2019
Chuyên: T. Kỹ hợp. Căn cứ	

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết “điều chỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2017 tại Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh”, Cụ thể như sau:

Tại kỳ họp thứ 6, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII đã thông qua Nghị quyết về phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2017 (Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 07/12/2018).

Tuy nhiên, theo quy định của Luật NSNN 2015, tại thời điểm phê duyệt quyết toán NSDP năm 2017 còn một số vướng mắc của các dự án đang trong quá trình thực hiện và xin ý kiến xử lý, cụ thể:

- Dự án cải tạo nâng cấp bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh của huyện Yên Dũng: Dự tạm ứng số tiền 6.430.375.000 đồng (nguồn vốn sự nghiệp môi trường của Ngân sách Trung ương), không thuộc đối tượng được chuyển nguồn sang năm 2018. Bộ Tài chính đã có văn bản số 15052/BTC-KBNN ngày 04/12/2018 đề nghị UBND tỉnh Bắc Giang nộp trả số tiền này về ngân sách Trung ương theo quy định.

- Dự án cải tạo, nâng cấp kênh tưới của Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Dự tạm ứng số tiền 4.969.091.600 đồng (nguồn vốn ngân sách tỉnh), không thuộc đối tượng được chuyển nguồn sang năm 2018. UBND tỉnh đã có Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 04/12/2018 bổ sung kế hoạch vốn cho dự án trên trong năm 2018 để thực hiện thu hồi số dư tạm ứng năm 2017 số tiền 4.969.091.600 đồng.

- Dự án cải tạo, nâng cấp khu xử lý rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh của huyện Hiệp Hòa: Dự tạm ứng số tiền 47.663.000 đồng (nguồn vốn sự nghiệp môi trường của Ngân sách Trung ương), không thuộc đối tượng được chuyển nguồn sang năm 2018. Ngày 18/12/2018 chủ đầu tư đã nộp trả ngân sách tỉnh số tiền trên.

- Điều chỉnh tăng quyết toán chi số tiền 1.529.345.000 đồng, do trong quá trình điều chỉnh quyết toán, hạch toán thiếu nội dung chi theo mục lục ngân sách của Tỉnh ủy.

Ngày 19/12/2018, KBNN thực hiện hạch toán điều chỉnh giảm số dư tạm ứng năm 2017 của các dự án nêu trên.

Do vậy, quyết toán ngân sách cấp tỉnh năm 2017 số chi giảm, số kết dư tăng so với số đã được HĐND tỉnh phê chuẩn tại Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh, cụ thể:

1. Tổng thu ngân sách địa phương: 14.565.745.778.670 đồng;
2. Tổng chi ngân sách địa phương (bao gồm cả chi trả nợ gốc vay 180.187.000.000 đồng sau điều chỉnh): 14.357.735.268.850 đồng;
3. Kết dư ngân sách địa phương (sau điều chỉnh): 208.010.509.820 đồng.

Trong đó:

- Ngân sách cấp tỉnh: 70.451.943.106 đồng; tăng 9.917.784.600 đồng so với số kết dư ngân sách cấp tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.
- Ngân sách cấp huyện, thành phố: 110.408.648.278 đồng.
- Ngân sách cấp xã: 27.149.918.436 đồng.

4. Xử lý kết dư NSDP năm 2017

Căn cứ Điều 72 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xử lý kết dư NSDP năm 2017 sau khi điều chỉnh là 208.010.509.820 đồng, như sau:

4.1. Kết dư ngân sách cấp tỉnh: 70.451.943.106 đồng.

+ Số kết dư tăng 9.917.784.600 đồng

Chuyển bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 4.958.892.000 đồng;

Chuyển ghi thu ngân sách tỉnh năm 2018: 4.958.892.600 đồng.

+ Số kết dư ngân sách còn lại 60.534.158.506 đồng, xử lý theo Khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND về phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2017.

4.2. Kết dư ngân sách cấp huyện, thành phố: 110.408.648.278 đồng.

Chuyển ghi thu ngân sách cấp huyện, thành phố năm 2018 là 110.408.648.278 đồng (số kết dư ngân sách huyện, thành phố nào thì ghi thu cho ngân sách huyện, thành phố đó).

4.3. Kết dư ngân sách xã, phường, thị trấn: 27.149.918.436 đồng.

Chuyển ghi thu ngân sách cấp xã, phường, thị trấn năm 2018: 27.149.918.436 đồng (số kết dư ngân sách xã, phường, thị trấn nào thì ghi thu cho ngân sách xã, phường, thị trấn đó).

Trên đây là nội dung Tờ trình dự thảo Nghị quyết “điều chỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2017”. UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, phê chuẩn. /.

(Gửi kèm theo Tờ trình này (1) dự thảo Nghị quyết; (2) Báo cáo điều chỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2017; (3) Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh)

Nơi nhận: ^{tz}

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu dự kỳ họp, HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP ĐDBQH tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TKCT, TPKT, TH;
- + Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thu Hà

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

Số: NQ-HĐND

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2017

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHOÁ XVIII - KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Xét Tờ trình số 289/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương tỉnh Bắc Giang năm 2017:

- Tổng thu ngân sách địa phương: 14.565.745.778.670 đồng;
- Tổng chi ngân sách địa phương: 14.177.548.268.850 đồng;
- Bội thu ngân sách địa phương (chi trả nợ gốc vay): 180.187.000.000 đồng
- Kết dư ngân sách địa phương: 208.010.509.820 đồng.

Trong đó:

- + Ngân sách cấp tỉnh : 70.451.943.106 đồng;
- + Ngân sách cấp huyện, thành phố: 110.408.648.278 đồng;
- + Ngân sách xã, phường, thị trấn: 27.149.918.436 đồng.

Điều 2. Xử lý kết dư ngân sách địa phương:

1. Kết dư ngân sách cấp tỉnh: 70.451.943.106 đồng:

Số kết dư ngân sách cấp tỉnh tăng 9.917.784.600 đồng so với số kết dư đã phê chuẩn tại Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh xử lý như sau:

- + Chuyển bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 4.958.892.000 đồng.
- + Chuyển ghi thu ngân sách tỉnh năm 2018: 4.958.892.600 đồng.

Số kết dư ngân sách cấp tỉnh còn lại 60.534.158.506 đồng giữ xử lý theo Khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND về phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2017.

2. Kết dư ngân sách huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn năm 2017 của đơn vị nào thì ghi thu ngân sách năm 2018 của đơn vị đó.

Điều 3. Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá XVIII, kỳ họp thứ 09 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

Bản điện tử:

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể chính trị-xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các tổ chức xã hội, nghề nghiệp tỉnh;
- Công thông tin “Đại biểu dân cử tỉnh Bắc Giang”;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

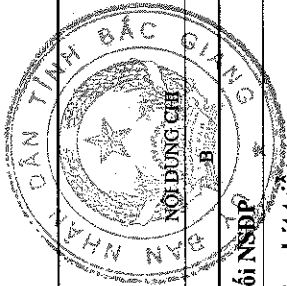
Bùi Văn Hải

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017
(Sau khi điều chỉnh)



PHẦN THU	TỔNG SỐ	THUS CẤP TỈNH	THUS CẤP HUYỆN	THUS CẤP XÃ	PHẦN CHI	TỔNG SỐ	CHNS CẤP TỈNH	CHNS CẤP HUYỆN	CHNS CẤP XÃ	Đơn vị: đồng
TỔNG SỐ THU	20.772.895.435.136	10.316.844.311.490	8.278.359.626.014	2.177.691.497.632	TỔNG SỐ CHI	20.564.884.925.316	10.246.392.368.384	8.167.950.977.736	2.150.541.579.196	
A. Tổng thu cân đối NS	20.772.895.435.136	10.316.844.311.490	8.278.359.626.014	2.177.691.497.632	A. Tổng số chi cân đối NS	20.384.697.925.316	10.066.205.368.384	8.167.950.977.736	2.150.541.579.196	
1. Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	3.430.947.680.488	647.644.557.088	2.198.009.361.165	585.293.762.235	1. Chi đầu tư phát triển	3.513.256.438.653	1.504.075.610.015	1.463.203.055.818	545.977.772.820	
2. Các khoản thu phân chia tỷ lệ	1.850.540.085.702	1.237.397.901.467	525.738.177.432	87.404.006.803	2. Chi trả nợ lãi, phí tiền vay	-	-	-	-	
3. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	44.802.928.575	35.159.740.675	9.643.187.900	-	3. Chi thường xuyên	8.474.172.368.129	2.654.803.817.898	4.575.535.974.796	1.243.832.575.435	
4. Thu kết dư năm trước	82.958.913.878	21.770.578.340	52.272.628.095	8.915.707.443	4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200.000.000	1.200.000.000	-	-	
5. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	1.517.004.648.986	735.380.012.879	577.658.053.702	203.966.582.405	5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	6.207.149.656.466	4.915.038.217.720	1.292.111.438.746	351.088.043.041	
6. Thu viện trợ	-	-	-	-	6. Chi chuyển nguồn sang năm sau	2.113.238.429.493	960.665.618.751	801.484.767.701	9.643.187.900	
7. Thu bổ sung từ NS cấp trên	13.846.641.177.507	7.639.491.521.041	4.915.038.217.720	1.292.111.438.746	7. Chi nộp ngân sách cấp trên	75.681.032.575	30.422.104.000	35.615.740.675	-	
- Bổ sung cân đối	11.413.253.426.000	6.282.444.000.000	4.229.102.000.000	901.707.426.000		-	-	-	-	
- Bổ sung có mục tiêu	2.433.387.751.507	1.357.047.521.041	685.936.217.720	390.404.012.746		-	-	-	-	
- Kết dư ngân sách năm quyết toán = (Thu-chi)	208.010.509.820	70.451.943.106	110.408.648.278	27.149.918.436						
-Bội chi = chi - thu										
B. Vay của ngân sách cấp tỉnh (chi tiết theo mục đích vay và nguồn vay					B. Chi trả nợ gốc (chi tiết từng nguồn trả nợ gốc)	180.187.000.000	180.187.000.000			
					1. Từ nguồn bồi thu NSĐP	136.056.000.000	136.056.000.000			
					2. Tăng thu, tiết kiệm chi	44.131.000.000	44.131.000.000			

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017
TỈNH BẮC GIANG (Sau điều chỉnh)

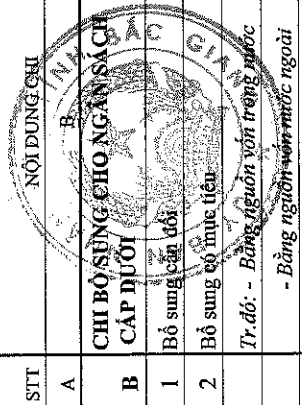


Đơn vị: đồng

STT	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN CHI NSDP NĂM 2017					SS QT/DT (%)		
		TRUNG ƯƠNG GIAO	HÀNH TỈNH QUYẾT ĐỊNH	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		QT/DT TW GIAO	QT/DT HẸND TỈNH	
					NS CẤP TỈNH	NS CẤP HUYỆN			NS XÃ
A	1	2	3	4	5	6	7	8	
A	Chi cân đối NSDP	10.558.137.000.000	10.481.631.000.000	14.101.867.236.275	5.120.745.046.664	6.840.223.798.315	2.140.896.391.296	133,6	134,5
I	Chi đầu tư phát triển	2.242.628.000.000	2.148.122.000.000	3.513.256.438.653	1.504.075.610.015	1.463.203.055.818	545.977.772.820	156,7	163,6
1	Chi đầu tư phát triển cho từng chương trình, dự án theo lĩnh vực	2.242.628.000.000	2.148.122.000.000	3.470.070.438.653	1.460.889.610.015	1.463.203.055.818	545.977.772.820	154,7	161,5
1.1	Chi quốc phòng			22.922.226.300	2.000.000.000	19.825.606.300	1.096.619.000		
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			14.819.097.000	14.375.884.000	443.213.000			
1.3	Chi giáo dục-đào tạo và dạy nghề			417.552.772.530	143.054.659.600	169.451.560.600	105.046.552.330		
1.4	Chi khoa học và công nghệ			300.000.000	300.000.000				
1.5	Chi y tế, dân số và gia đình			165.108.054.407	150.659.407.407	4.834.907.000	9.613.740.000		
1.6	Chi văn hóa thông tin			194.123.406.460	40.305.596.000	58.282.724.860	95.535.085.600		
1.7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			6.266.542.000	2.202.175.000	3.128.183.000	936.184.000		
1.8	Chi thể dục thể thao			23.203.847.300		12.209.909.000	10.993.938.300		
1.9	Chi bảo vệ môi trường			23.859.826.200	2.776.110.700	14.772.052.000	6.311.662.500		
1.10	Chi các hoạt động kinh tế			2.279.422.177.217	1.020.803.066.308	1.017.791.841.919	240.827.268.990		
1.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể			299.037.942.839	71.317.009.000	156.503.665.139	71.217.268.700		
1.12	Chi đảm bảo xã hội			20.871.914.400	13.096.702.000	4.959.393.000	2.816.819.400		
1.13	Chi ngành, lĩnh vực khác			2.582.634.000		1.000.000.000	1.582.634.000		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp hoạt động công ích...(trích lập quỹ phát triển đất)			43.186.000.000	43.186.000.000				
3	Chi đầu tư phát triển khác			-	-				
II	Chi trả nợ lãi vay theo quy định			-					
III	Chi thường xuyên	8.025.811.000.000	8.043.811.000.000	8.474.172.368.129	2.654.803.817.898	4.575.535.974.796	1.243.832.575.435	105,6	105,4
2.1	Chi quốc phòng		143.900.000.000	175.180.619.229	59.483.926.000	40.304.793.000	75.391.900.229		121,7

STT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN CHI NSDP NĂM 2017						SS Q/T DT (%)	
		TRUNG ƯƠNG GIAO	HĐND TỈNH QUYẾT ĐỊNH	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ			Q/T DT HĐND TỈNH	Q/T DT HĐND TỈNH		
					NS CẤP TỈNH	NS CẤP HUYỆN	NS XÃ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8		
2.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		29.691.000.000	56.817.273.445	19.966.776.000	14.595.277.800	22.255.219.645		191,4		
2.3	Chi giáo dục-đào tạo và dạy nghề	3.746.553.000.000	3.746.553.000.000	3.739.928.927.942	640.480.993.731	3.082.781.021.711	16.664.912.500	99,8	99,8		
	<i>Giáo dục đào tạo</i>		3.557.452.000.000	3.549.950.974.355	470.116.541.744	3.063.284.753.111	16.569.679.500		99,8		
	<i>Dạy nghề</i>		189.101.000.000	189.975.953.587	170.364.451.987	19.516.268.600	95.233.000		100,5		
2.4	Chi khoa học và công nghệ		24.670.000.000	23.241.588.047	21.985.156.547	1.286.431.500			94,2		
2.5	Chi y tế dân số và gia đình		842.083.000.000	890.031.959.154	859.325.923.579	26.858.704.360	3.847.331.215		105,7		
2.6	Chi văn hóa thông tin		86.598.000.000	105.397.330.182	47.675.755.251	40.259.471.930	17.482.103.001		123,1		
2.7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		60.290.000.000	56.819.708.460	29.607.645.347	17.543.854.663	9.668.208.450		94,2		
2.8	Chi thể dục thể thao		20.784.000.000	30.005.468.897	7.257.545.000	9.896.306.440	12.851.617.457		144,4		
2.9	Chi bảo vệ môi trường		76.300.000.000	81.262.971.331	10.106.514.934	64.503.524.097	6.652.932.300		106,5		
2.10	Chi các hoạt động kinh tế		974.543.000.000	998.909.699.290	404.714.279.731	465.687.032.347	128.508.387.212		102,5		
2.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể		1.538.947.000.000	1.721.332.173.644	439.256.578.031	406.359.240.101	875.716.355.512		111,9		
	<i>Quản lý nhà nước</i>			1.157.959.575.491	283.064.361.957	264.416.473.816	610.478.739.718				
	<i>Đảng</i>			320.491.957.942	107.797.503.000	96.326.504.800	116.367.950.142				
	<i>Đoàn thể</i>			242.880.640.211	48.394.713.074	45.616.261.485	148.869.665.652				
2.12	Chi đảm bảo xã hội		462.446.000.000	521.224.582.571	102.528.945.137	353.430.948.797	65.264.688.637		112,7		
2.13	Chi khác		38.006.000.000	74.022.065.937	12.413.778.610	52.059.368.050	9.548.919.277		194,8		
	<i>Chuyển vốn Ngân hàng CSXH cho người nghèo vay</i>			9.325.000.000	6.000.000.000	3.325.000.000					
	<i>Hỗ trợ xây dựng doanh trại Ban CHQS huyện</i>			25.000.000.000		25.000.000.000					
	<i>Hỗ trợ Quỹ hội nông dân</i>			500.000.000		500.000.000					
	<i>Chi khác còn lại</i>			39.197.065.937	6.413.778.610	23.234.368.050	9.548.919.277				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính		1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000			100,0	100,0		
V	Chi chuyển ngân			2.113.238.429.493	960.665.618.751	801.484.767.701	351.088.043.041				
VI	Chương trình MTQG vốn SN (đã phân bổ vào các lĩnh vực chi)		90.148.000.000								
VII	Dự phòng ngân sách (đã phân bổ vào các lĩnh vực chi)		198.350.000.000								

STT	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN CHI NSDP NĂM 2017				SS QT/DI (%)	
	TRUNG ƯƠNG GIAO	HỆND TÍNH QUYẾT ĐỊNH	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ			QT/DI HỆND TÍNH	QT/DI T/W GIAO	
				NS CẤP TỈNH	NS CẤP HUYỆN	NS XÃ			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	
B			6.207.149.656.466	4.915.038.217.720	1.292.111.438.746	-			
1			5.130.809.426.000	4.229.102.000.000	901.707.426.000				
2			1.076.340.230.466	685.936.217.720	390.404.012.746				
			-						
			-						
C			75.681.032.575	30.422.104.000	35.615.740.675	9.643.187.900			
D	41.550.000.000	136.056.000.000	180.187.000.000	180.187.000.000			433,7	132,4	
	10.599.687.000.000	10.617.687.000.000	20.564.884.925.316	10.246.392.368.384	8.167.950.977.736	2.150.541.579.196	194,0	193,7	
			TỔNG SỐ (A + B + C+D)						



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 133/BC-HĐND

Bắc Giang, ngày 28 tháng 11 năm 2019

BÁO CÁO

**Thẩm tra dự thảo Nghị quyết Điều chỉnh phê chuẩn quyết toán
ngân sách địa phương năm 2017**

Được sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách tổ chức thẩm tra dự thảo Nghị quyết Điều chỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2017. Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả như sau:

1. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; do một số dự án tại thời điểm phê duyệt quyết toán ngân sách địa phương năm 2017 đang trong quá trình xin ý kiến xử lý, nhưng đến nay không thuộc đối tượng được chuyển nguồn vốn theo quy định nên Trung ương thu hồi vốn. Vì vậy, quyết toán ngân sách cấp tỉnh năm 2017 số chi giảm, số kết dư tăng so với Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh đã phê chuẩn.

Từ căn cứ trên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Điều chỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2017 là cần thiết, đúng thẩm quyền.

2. Về trình tự, thủ tục

Dự thảo Nghị quyết đã được xây dựng đúng trình tự, thủ tục theo quy định; thể thức được trình bày theo đúng quy định tại Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ và được UBND tỉnh thông qua.

3. Về nội dung

Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí với nội dung, số liệu Điều chỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2017 như dự thảo nghị quyết.

4. Kiến nghị

Đề nghị UBND tỉnh yêu cầu các đơn vị chủ đầu tư rút kinh nghiệm trong việc thực hiện dự án, làm rõ nguyên nhân trách nhiệm trong việc không thực hiện hết kế hoạch và đầu tư, phải thu hồi về ngân sách trung ương.

Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả thẩm tra dự thảo Nghị quyết Điều chỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2017, đề nghị các đại biểu HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

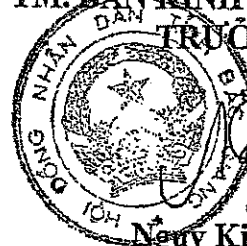
Nơi nhận:

- Lưu: VT, TH.
- Bản điện tử:**
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng.



Người ký: Hội đồng Nhân dân tỉnh
Email: hond_vt@bacgiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bắc Giang
Thời gian ký: 28.11.2019 16:15:13 +07:00

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Kim Phương

